



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Tỉnh Đắk Lắk*

Số 102

Ngày 23 tháng 11 năm 2023

## MỤC LỤC

Trích yếu nội dung

Trang

### VĂN BẢN KHÁC

#### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

- |            |  |    |
|------------|--|----|
| 14-11-2023 | Nghị quyết số 35/NQ-HĐND về việc cập nhật danh mục dự án đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 05 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững.   | 2  |
| 14-11-2023 | Nghị quyết số 36/NQ-HĐND về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, kế hoạch năm 2023. | 13 |

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 14 tháng 11 năm 2023

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về việc cập nhật danh mục dự án đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 05 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK KHÓA X, KỶ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ MƯỜI MỘT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt một số nội dung hỗ trợ 22 huyện nghèo thuộc 17 tỉnh thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025;*

*Thực hiện Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chỉ tiêu, kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 05 năm (2021-2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;*

*Thực hiện Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 5 năm (2021-2025) thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 1 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;*

*Xét Tờ trình số 154/TTr-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc trình Dự thảo Nghị quyết cập nhật danh mục dự án đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 05 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 202/BC-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất cập nhật danh mục dự án đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm (2021- 2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

*(Chi tiết tại Phụ lục I, II kèm theo. UBND tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu tại các phụ lục)*

### **Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

### **Điều 3.** Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá X, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ Mười một thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Thị Chiến Hòa**

**Phụ lục I**

**TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN  
NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH TỈNH GIAI ĐOẠN 5 NĂM (2021-2025)  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG  
(Kèm theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2023 của HĐND tỉnh Đắk Lắk)**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
		Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		
			NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>666.404</b>	<b>606.404</b>	<b>60.000</b>	
<b>I</b>	<b>Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo</b>	<b>541.404</b>	<b>491.404</b>	<b>50.000</b>	<b>Chi tiết tại PL II</b>
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	440.717	396.717	44.000	

2	Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt	100.687	94.687	6.000	
<b>II</b>	<b>Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững</b>	<b>125.000</b>	<b>115.000</b>	<b>10.000</b>	<b>Chi tiết tại PL II</b>
1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	100.000	94.000	6.000	
2	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	25.000	21.000	4.000	

## Phụ lục II

**CẬP NHẬT CHI TIẾT DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 05 NĂM (2021-2025) THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2023 của HĐND tỉnh Đắk Lắk)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Thời gian KC- HT	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến					Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025		Ghi chú	
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Ngân sách nhà nước			Nguồ n huy động (nếu có)	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		
							NSTW	NST	NS cấp huyện, cấp xã			NSTW		NST
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
	<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>667.054</b>	<b>606.404</b>	<b>60.000</b>	<b>650</b>	<b>-</b>	<b>666.404</b>	<b>606.404</b>	<b>60.000</b>	
<b>A</b>	DỰ ÁN 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo					542.054	491.404	50.000	650	-	541.404	491.404	50.000	
<b>I</b>	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo					440.717	396.717	44.000	-	-	440.717	396.717	44.000	
<b>1</b>	Huyện Ea Súp					219.217	196.717	22.500	-	-	219.217	196.717	22.500	

1.1	Trường THPT Ea Rôk, huyện Ea Súp; Hạng mục: xây dựng mới 10 phòng học và nhà hiệu bộ	Xã Ea Rôk	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	(i) Xây dựng mới Nhà lớp học 10 phòng tiêu chuẩn cấp III, 02 tầng; (ii) Xây dựng mới nhà hiệu bộ tiêu chuẩn cấp III, 02 tầng; (iii) Mua sắm trang thiết bị kèm theo cho 10 phòng học và nhà hiệu bộ.	18.000	16.000	2.000	-	-	18.000	16.000	2.000	
1.2	Đường giao thông liên xã Ea Rôk đi xã Cư K'bang kết nối vào đường liên huyện Ea H'leo - Ea Súp	Xã Ea Rôk, Cư Kbang	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường giao thông cấp V miền núi, kết cấu mặt đường BTXM, Chiều dài khoảng L=7,7km	32.000	29.000	3.000	-	-	32.000	29.000	3.000	
1.3	Đường giao thông liên xã Ya Tờ Môt đi xã Ia Rvê, huyện Ea Súp (Giai đoạn 2)	Xã Ya Tờ Môt	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường giao thông cấp IV miền núi, kết cấu mặt đường BTXM, Chiều dài khoảng L=3,718km.	24.217	21.717	2.500	-	-	24.217	21.717	2.500	
1.4	Đường giao thông liên xã Cư Kbang đi trung tâm cụm xã Ea Rôk, huyện Ea Súp	Xã Cư Kbang, Ea Rôk	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường giao thông cấp V miền núi, kết cấu mặt đường cấp cao A1 BTXM, Chiều dài khoảng L=3,142km	12.000	11.000	1.000	-	-	12.000	11.000	1.000	
1.5	Đường giao thông từ trung tâm thị trấn Ea Súp đi tiểu khu 249, 265, 271 xã Ea Lê và xã Cư Mlan thuộc Công ty Lâm nghiệp Chư Ma Lanh, huyện Ea Súp	Xã Ea Lê, Cư M'lan	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường giao thông cấp VI miền núi, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài khoảng L=10,968km	35.000	30.500	4.500	-	-	35.000	30.500	4.500	
1.6	Mở rộng, nâng cấp đường liên xã từ trung tâm thị trấn Ea Súp đi xã Ea Bung, huyện Ea Súp	Thị trấn Ea Súp, xã Ea Bung	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường giao thông cấp IV miền núi, Chiều dài khoảng L=3.611 m. Kết cấu mặt đường: (i) Đoạn từ Km0+7 đến Km0+513; Đoạn từ Km3+444 đến km3+611 kết cấu mặt đường BTXM; (ii) đoạn từ Km0+513 đến km3+449 kết cấu mặt đường bê tông nhựa chặt.	25.000	22.500	2.500	-	-	25.000	22.500	2.500	
1.7	Đường giao thông liên xã từ xã Ia Jloi đi xã Ia Lốp, huyện Ea Súp	Xã Ia Jloi, Ia Lốp	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường giao thông cấp IV miền núi, kết cấu mặt đường BTXM, Chiều dài khoảng L= 12,352km;	73.000	66.000	7.000	-	-	73.000	66.000	7.000	
<b>2</b>	<b>Huyện M'Drắk</b>					<b>221.500</b>	<b>200.000</b>	<b>21.500</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>221.500</b>	<b>200.000</b>	<b>21.500</b>	

2.1	Trường THPT Nguyễn Tất Thành, huyện M'Đrăk; Hạng mục: Nhà đa chức năng, khu giáo dục thể chất và hạ tầng kỹ thuật	Thị trấn M'Đrăk	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	(i) Nhà đa chức năng: Nhà tiêu chuẩn cấp III, 01 tầng. (ii) Khu giáo dục thể chất và hạ tầng kỹ thuật	7.500	7.000	500	-	-	7.500	7.000	500	
2.2	Đường giao thông liên xã Ea Riêng đi xã Ea Lai (từ Trung tâm xã Ea Riêng đến thôn 6 xã Ea Lai), huyện M'Đrăk	Xã Ea Riêng, Ea Lai	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường giao thông cấp V miền núi, kết cấu mặt đường BTXM, Tổng chiều dài 02 tuyến L = 4,365 km;	17.000	15.000	2.000	-	-	17.000	15.000	2.000	
2.3	Đường giao thông liên xã Ea Lai đi xã Ea Riêng (Từ trung tâm xã Ea Lai đi thôn 3 xã Ea Riêng), huyện M'Đrăk	Xã Ea Lai, Ea Riêng	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường giao thông cấp IV miền núi, kết cấu mặt đường BTXM, Chiều dài tuyến L=6,7km;	35.000	31.500	3.500	-	-	35.000	31.500	3.500	
2.4	Cầu và đường dẫn hai đầu cầu thuộc tuyến đường liên xã Cư K'róa đi xã Ea Riêng (Lý trình tại Km5+965,18)	Xã Cư K'róa	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Công trình giao thông cấp IV; (i) cầu: Cầu dầm BTCT chiều dài Ld=18m, Khổ cầu k=7,5m, bề rộng toàn cầu K=8,5m; (ii) đường dẫn 02 đầu cầu kết cấu mặt đường BTXM	12.000	11.000	1.000	-	-	12.000	11.000	1.000	
2.5	Đường vành đai từ xã Cư M'ta đi xã Krông Jing huyện MĐrăk	Xã Krông Jing, Thị trấn, Cư M'ta	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường giao thông đô thị cấp III, kết cấu mặt đường cấp cao A1 BTXM, Chiều dài tuyến khoảng L=4,223km;	44.500	40.500	4.000	-	-	44.500	40.500	4.000	
2.6	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ buôn M'Găm xã Krông Jing đi Tổ dân phố 2 thị trấn M'Đrăk.	Xã Krông Jing và thị trấn M'Đrăk	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường giao thông cấp III; kết cấu mặt đường bê tông nhựa; Chiều dài tuyến khoảng L=1,498km.	25.000	22.500	2.500	-	-	25.000	22.500	2.500	
2.7	Cầu và đường hai đầu cầu thuộc tuyến đường liên xã Ea Pil đi xã Cư Prao (Tại thôn 3 xã Ea Pil), huyện M'Đrăk	Xã Ea Pil, xã Cư Prao	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	(i) Cầu: Cầu dầm BTCT DƯL Ld=(33+33)m; Chiều dài cầu khoảng L=66m, Bề rộng khổ cầu K=7,5m; bề rộng toàn cầu K=8,5m. (ii) Đường hai đầu cầu công trình giao thông cấp V miền núi; kết cấu mặt đường BTXM chiều dài khoảng L=2,763km.	36.000	32.500	3.500	-	-	36.000	32.500	3.500	
2.8	Đường giao thông liên xã Ea Lai đi xã Krông Jing (Từ thôn 8 xã Ea Lai đi Buôn Hoang xã Krông Jing), huyện MĐrăk	Xã Ea Lai xã Krông Jing	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường giao thông cấp V miền núi, kết cấu mặt đường BTXM, Chiều dài tuyến khoảng L=7,882km;	44.500	40.000	4.500	-	-	44.500	40.000	4.500	



<b>II</b>	<b>Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt</b>					<b>101.337</b>	<b>94.687</b>	<b>6.000</b>	<b>650</b>	<b>-</b>	<b>100.687</b>	<b>94.687</b>	<b>6.000</b>	
<b>1</b>	<b>Huyện M'Drắk</b>					<b>101.337</b>	<b>94.687</b>	<b>6.000</b>	<b>650</b>	<b>-</b>	<b>100.687</b>	<b>94.687</b>	<b>6.000</b>	
1.1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Ea Trang đi Cư San, huyện M'Drắk	Xã Ea Trang và xã Cư San	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường giao thông cấp V miền núi, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài tuyến khoảng L=13,973km.	79.900	75.450	4.000	450	-	79.450	75.450	4.000	
1.2	Cầu Buôn M'Bhao thuộc tuyến đường giao thông từ thị trấn M'Drắk đi xã Cư M'ta và xã Ea Riêng, huyện M'Drắk (lý trình tại km 0+680 - km0+836)	Xã Ea Riêng, xã Cư M'ta	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	(i) Cầu: Cầu dầm BTCT DƯ'L Lđ=(25,7+25,7) m; Chiều dài toàn cầu tính đến đuôi móng khoảng L=68m, Bề rộng toàn cầu B=8,5m; BTXM vĩnh cửu; (ii) Đường hai đầu cầu công trình giao thông cấp IV; kết cấu mặt đường BTXM, chiều dài khoảng L=0,105km;	21.437	19.237	2.000	200	-	21.237	19.237	2.000	
<b>B</b>	<b>DỰ ÁN 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững</b>					<b>125.000</b>	<b>115.000</b>	<b>10.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>125.000</b>	<b>115.000</b>	<b>10.000</b>	
<b>I</b>	<b>Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn</b>					<b>100.000</b>	<b>94.000</b>	<b>6.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>100.000</b>	<b>94.000</b>	<b>6.000</b>	
1	Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị dạy nghề Trường Trung cấp Đắk Lắk	Thành phố Buôn Ma Thuột	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	2023-2025	1. Cơ sở 144 Phan Chu Trinh: (i) Hạng mục tháo dỡ: Nhà lớp học thực hành tiêu chuẩn cấp IV, 01 tầng; Xưởng thực hành tiêu chuẩn cấp III, 01 tầng; Nhà lớp học thực hành tiêu chuẩn cấp IV, 01 tầng; Nhà tuyển sinh tiêu chuẩn cấp III, 01 tầng; Nhà tuyển sinh lái xe A1 tiêu chuẩn cấp IV, 01 tầng. (ii) Hạng mục cải tạo, mở rộng: Mở rộng 01 nhà xe tiêu chuẩn cấp IV, 01 tầng; Cải tạo 01 nhà xe tiêu chuẩn cấp	44.900	41.900	3.000	-	-	44.900	41.900	3.000	

				<p>IV, 01 tầng; Hạ tầng kỹ thuật.</p> <p>(iii) Hạng mục xây mới: Nhà lớp học - Thư viện tiêu chuẩn cấp III, 05 tầng; Nhà để máy phát điện, máy bơm PCCC tiêu chuẩn cấp IV, 01 tầng</p> <p>(iv) Mua sắm trang thiết bị cho Nhà lớp học-Thư viện và trang thiết bị dạy nghề.</p> <p>2. Cơ sở 01 Đinh Tiên Hoàng:</p> <p>(i) Hạng mục tháo dỡ: Nhà hiệu bộ tiêu chuẩn cấp IV, 01 tầng; Kho để thiết bị tiêu chuẩn cấp III, 01 tầng; Nhà lớp học thực hành tiêu chuẩn cấp III, 01 tầng; Nhà hội trường D tiêu chuẩn cấp IV, 01 tầng; Nhà căn tin tiêu chuẩn cấp IV, 01 tầng; Nhà vệ sinh tiêu chuẩn cấp IV, 01 tầng.</p> <p>(ii) Hạng mục cải tạo, sửa chữa: Nhà lớp học-hiệu bộ tiêu chuẩn cấp III, 04 tầng; Nhà lớp học-Thư viện-hiệu bộ tiêu chuẩn cấp III, 02 tầng; Nhà hội trường C tiêu chuẩn cấp III, 01 tầng; Nhà để xe tiêu chuẩn cấp IV, 01 tầng.</p> <p>(iii) Hạ tầng kỹ thuật.</p> <p>(iv) Mua sắm trang thiết bị cho Nhà lớp học-hiệu bộ 04 tầng; Nhà lớp học-thư viện-hiệu bộ 02 tầng và trang thiết bị dạy nghề.</p>									
2	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới cơ sở vật chất Trường Cao đẳng công nghệ Tây Nguyên (nay là Trường Cao đẳng Đắk Lắk)	Thành phố Buôn Ma Thuột	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	2023-2025	<p>(i) Hạng mục tháo dỡ:</p> <p>+ Dãy nhà số 1: Nhà tiêu chuẩn cấp IV, 01 tầng;</p> <p>+ Dãy nhà số 2: Nhà tiêu chuẩn cấp IV, 01 tầng;</p> <p>+ Dãy nhà số 3: Nhà tiêu chuẩn cấp IV, 01 tầng;</p> <p>+ Hạ tầng kỹ thuật: Tường rào khung sắt thoáng.</p> <p>(ii) Hạng mục cải tạo, nâng cấp:</p> <p>+ Nhà xưởng thực hành số 1 tiêu chuẩn cấp III, 02 tầng;</p> <p>+ Nhà xưởng thực hành số 4 tiêu chuẩn</p>	44.600	42.600	2.000	-	44.600	42.600	2.000	

					cấp III, 02 tầng; + Nhà xưởng thực hành số 5 tiêu chuẩn cấp III, 01 tầng; (iii) Hạng mục xây mới: + Nhà thi đấu đa năng: Nhà tiêu chuẩn cấp III, 02 tầng; + Hạ tầng kỹ thuật. (iv) Trang thiết bị cho Nhà thi đấu đa năng.									
3	Mua sắm trang thiết bị cho Trường Cao đẳng Công nghệ Tây Nguyên (nay là Trường Cao đẳng Đắk Lắk)	Thành phố Buôn Ma Thuột	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	2024-2025	Mua sắm trang thiết bị cho Trường Cao đẳng Công nghệ Tây Nguyên (nay là Trường Cao đẳng Đắk Lắk)	10.500	9.500	1.000	-	-	10.500	9.500	1.000	
<b>II</b>	<b>Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững</b>					<b>25.000</b>	<b>21.000</b>	<b>4.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>25.000</b>	<b>21.000</b>	<b>4.000</b>	
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sản giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng cơ sở dữ liệu; Xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc	Tại các đơn vị trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; các huyện, thị xã thành phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	2024-2025	'1. Tại các đơn vị trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, gồm: (i) Sàn giao dịch việc làm tại trung tâm Dịch vụ việc làm, gồm: Thiết bị phục vụ người lao động; Mạng sản giao dịch trung tâm; Ghế phục vụ người lao động; Bảng led; Bộ âm thanh di động; Máy hút âm lọc không khí; Hệ thống xếp hàng tự động và đánh giá hài lòng; Thuê hệ thống mcu họp hội nghị trực tuyến; Thiết bị hội nghị trực tuyến phòng 1 (phòng họp nhiều ứng viên); Thiết bị hội nghị trực tuyến phòng 2 (phòng vấn từng ứng viên); Thiết bị hội trường tầng 3; Thiết bị phòng phỏng vấn tầng 2; Thiết bị hội trường tầng 1.... (ii) Sàn giao dịch việc làm tại 02 chi nhánh, gồm: Thiết bị tại văn phòng giao dịch; Hội nghị trực tuyến; Mạng wifi; Nội thất tại chi nhánh. (iii) Nâng cấp website trung tâm dịch vụ việc làm;	25.000	21.000	4.000	-	-	25.000	21.000	4.000	



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH ĐẮK LẮK Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 14 tháng 11 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, kế hoạch năm 2023**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**  
**KHÓA X, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ MƯỜI MỘT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Thực hiện Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND, ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2023; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;*

*Thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chỉ tiêu, kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 05 năm (2021-2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;*

*Thực hiện Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm (2021 – 2025) thực hiện các Dự án thành*

phần số 2, 4, 5, 6, 10 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cho các cơ quan, đơn vị, địa phương;

Thực hiện Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về giao chỉ tiêu, kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2023 từ nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giao bổ sung chỉ tiêu và bổ sung, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Thực hiện Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân khai chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ phần vốn phân bổ sau nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, năm 2023;

Thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển (phần vốn phân bổ sau) và cập nhật danh mục dự án đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 05 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Thực hiện Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh tên dự án và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, kế hoạch năm 2023;

Thực hiện Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách địa phương;

Xét Tờ trình số 152/TTr-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh trình dự thảo Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, kế hoạch năm 2023; Báo cáo thẩm tra số 204/BC-HĐND ngày 13 tháng 11

*năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, kế hoạch năm 2023 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại các Nghị quyết: số 59/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2022, số 22/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2023 và số 29/NQ-HĐND ngày 10 tháng 10 năm 2023, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh giảm 18.448 triệu đồng nguồn ngân sách tỉnh đối ứng (nguồn thu tiền sử dụng đất) thực hiện dự án 2 và Tiểu dự án 1 Dự án 5 của Chương trình. Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2023 giao thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi sau điều chỉnh là 517.043 triệu đồng (*ngân sách Trung ương là 505.491 triệu đồng, ngân sách tỉnh (nguồn thu tiền sử dụng đất) là 11.552 triệu đồng*). Trong đó:

a) Điều chỉnh giảm 8.000 triệu đồng kế hoạch vốn giao thực hiện 09 dự án đầu tư thuộc Dự án 2 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2023 và điều chỉnh tại Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 10 tháng 10 năm 2023.

b) Điều chỉnh giảm 10.448 triệu đồng kế hoạch vốn giao thực hiện 09 dự án đầu tư thuộc Tiểu dự án 1 Dự án 5 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2023.

2. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2023 giữa các dự án đầu tư thuộc Tiểu dự án 1 Dự án 4 và Tiểu dự án 1 Dự án 5 của Chương trình, bao gồm:

a) Điều chỉnh giảm 4.000 triệu đồng kế hoạch vốn thực hiện 06 dự án đầu tư thuộc Tiểu dự án 1 Dự án 5.

b) Điều chỉnh tăng 4.000 triệu đồng kế hoạch vốn thực hiện 02 dự án đầu tư thuộc Tiểu dự án 1 Dự án 4.

c) Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn bố trí kế hoạch năm 2023 của 04 dự án đầu tư thuộc Tiểu dự án 1 Dự án 5.

*(Chi tiết tại Phụ lục I, II kèm theo. UBND tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu tại các phụ lục)*

3. Các nội dung khác không điều chỉnh tại Nghị quyết này, thì tiếp tục thực hiện theo các Nghị quyết: số 59/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2022, số 22/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2023 và số 29/NQ-HĐND ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá X, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ Mười một thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Thị Chiến Hòa**



**Phụ lục I**

**TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 GIAO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**

*(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2023 của HĐND tỉnh Đắk Lắk)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Số TT	Tên Chương trình/Dự án/Tiểu dự án	Kế hoạch 2023 đã giao			Kế hoạch 2023 sau điều chỉnh			Ghi chú
		Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		
			NSTW	NST (nguồn thu tiền SDD)		NSTW	NST (nguồn thu tiền SDD)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(8)	(9)	(10)	(11)
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>535.491</b>	<b>505.491</b>	<b>30.000</b>	<b>517.043</b>	<b>505.491</b>	<b>11.552</b>	<b>Điều chỉnh giảm tổng nguồn vốn giao kế hoạch 2023 là 18.448 triệu đồng (nguồn NST)</b>
<b>I</b>	<b>Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiết đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt</b>	<b>55.132</b>	<b>50.480</b>	<b>4.652</b>	<b>55.132</b>	<b>50.480</b>	<b>4.652</b>	Không thay đổi
<b>II</b>	<b>Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết</b>	<b>160.921</b>	<b>152.921</b>	<b>8.000</b>	<b>152.921</b>	<b>152.921</b>	<b>-</b>	Điều chỉnh giảm 8.000 triệu đồng nguồn ngân sách tỉnh

<b>III</b>	<b>Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&amp;MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc</b>	<b>262.170</b>	<b>255.270</b>	<b>6.900</b>	<b>266.170</b>	<b>259.270</b>	<b>6.900</b>	Điều chỉnh tăng 4.000 triệu đồng nguồn NSTW (Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)
	<b>Tiểu dự án 1:</b> Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN	262.170	255.270	6.900	266.170	259.270	6.900	
<b>IV</b>	<b>Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực</b>	<b>49.268</b>	<b>38.820</b>	<b>10.448</b>	<b>34.820</b>	<b>34.820</b>	<b>-</b>	Điều chỉnh giảm 14.448 triệu đồng (NSTW 4.000 triệu đồng; NST 10.448 triệu đồng) (Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)
	<b>Tiểu dự án 1:</b> Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường phổ thông có học sinh ở bán trú (HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS	49.268	38.820	10.448	34.820	34.820	-	
<b>V</b>	<b>Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch</b>	<b>8.000</b>	<b>8.000</b>	<b>-</b>	<b>8.000</b>	<b>8.000</b>	<b>-</b>	Không thay đổi

**Phụ lục II**

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2023  
THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN SỐ 2, 4, 5 THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA  
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**  
(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2023 của HĐND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư					Kế hoạch năm 2023			Điều chỉnh						Kế hoạch năm 2023 sau điều chỉnh			Ghi chú
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:			Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		Giảm			Tăng			Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		
							NSTW	NST	NSH, NSX và HDK		NSTW	NST (nguồn thu tiền sử dụng đất)	Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			NSTW	NST (nguồn thu tiền sử dụng đất)	
														NSTW	NST		NSTW	NST				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
	<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>592.520</b>	<b>537.520</b>	<b>55.000</b>	<b>-</b>	<b>174.539</b>	<b>156.091</b>	<b>18.448</b>	<b>26.596</b>	<b>8.148</b>	<b>18.448</b>	<b>8.148</b>	<b>8.148</b>	<b>-</b>	<b>156.091</b>	<b>156.091</b>	<b>-</b>	
<b>A</b>	<b>DỰ ÁN 2:</b>					<b>473.600</b>	<b>448.600</b>	<b>25.000</b>	<b>-</b>	<b>126.321</b>	<b>118.321</b>	<b>8.000</b>	<b>8.000</b>	<b>-</b>	<b>8.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>118.321</b>	<b>118.321</b>	<b>-</b>	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện
<b>I</b>	<b>Huyện Ea H'leo</b>					<b>124.000</b>	<b>118.000</b>	<b>6.000</b>	<b>-</b>	<b>44.300</b>	<b>42.600</b>	<b>1.700</b>	<b>1.700</b>	<b>-</b>	<b>1.700</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>42.600</b>	<b>42.600</b>	<b>-</b>	
1	Dự án Sắp xếp ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn tại xã Cư Amung, huyện Ea H'Leo	Xã Cư Amung, huyện Ea H'leo	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	1889/QĐ-UBND ngày 28/9/2023	63.000	60.000	3.000		22.500	21.600	900	900		900				21.600	21.600	-	Điều chỉnh giảm phần vốn NST do hụt thu

2	Dự án Sắp xếp, ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn tại xã Ea Tir, huyện Ea H'leo	Xã Ea Tir, huyện Ea H'leo	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	1522/QĐ-UBND ngày 11/8/2023	61.000	58.000	3.000		21.800	21.000	800	800		800				21.000	21.000	-	Điều chỉnh giảm phần vốn NST do hụt thu
<b>II</b>	<b>Huyện Krông Búk</b>					<b>72.200</b>	<b>68.000</b>	<b>4.200</b>		<b>24.971</b>	<b>23.471</b>	<b>1.500</b>	<b>1.500</b>	-	<b>1.500</b>	-	-	-	<b>23.471</b>	<b>23.471</b>	-	
1	Dự án Ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn xã Ea Sin, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk	Xã Ea Sin, huyện Krông Búk	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	1852/QĐ-UBND ngày 25/9/2023	72.200	68.000	4.200		24.971	23.471	1.500	1.500		1.500				23.471	23.471	-	Điều chỉnh giảm phần vốn NST do hụt thu
<b>III</b>	<b>Huyện Krông Năng</b>					<b>58.000</b>	<b>55.000</b>	<b>3.000</b>		<b>20.250</b>	<b>19.250</b>	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	-	<b>1.000</b>	-	-	-	<b>19.250</b>	<b>19.250</b>	-	
1	Dự án Ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn tại 3 buôn: Buôn Mrum, buôn A lê, buôn Mngoan, xã Ea Hồ, huyện Krông Năng	Xã Ea Hồ, huyện Krông Năng	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	1394/QĐ-UBND ngày 08/5/2023	30.000	28.400	1.600		10.500	10.000	500	500		500				10.000	10.000	-	Điều chỉnh giảm phần vốn NST do hụt thu
2	Dự án Ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Tam Hợp, xã Cư Klông, huyện Krông Năng	Xã Cư Klông, huyện Krông Năng	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	1395/QĐ-UBND ngày 08/5/2023	28.000	26.600	1.400		9.750	9.250	500	500		500				9.250	9.250	-	Điều chỉnh giảm phần vốn NST do hụt thu
<b>IV</b>	<b>Huyện Lắk</b>					<b>219.400</b>	<b>207.600</b>	<b>11.800</b>	-	<b>36.800</b>	<b>33.000</b>	<b>3.800</b>	<b>3.800</b>	-	<b>3.800</b>	-	-	-	<b>33.000</b>	<b>33.000</b>	-	
1	Dự án Sắp xếp, ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn xã an toàn khu (ATK) Krông Nô, huyện Lắk	Xã Krông Nô, huyện Lắk	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025		64.363	61.863	2.500	-	12.500	11.700	800	800		800		-		11.700	11.700	-	Điều chỉnh giảm phần vốn NST do hụt thu
2	Dự án Sắp xếp, ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn xã an toàn khu (ATK) Đăk Phơi, huyện Lắk	Xã Đăk Phơi, huyện Lắk	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025		50.815	47.765	3.050	-	8.000	7.000	1.000	1.000		1.000		-		7.000	7.000	-	Điều chỉnh giảm phần vốn NST do hụt thu

3	Dự án Sắp xếp, ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn xã an toàn khu (ATK) Bông Krang, huyện Lắk	Xã Bông Krang, huyện Lắk	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025		50.486	47.436	3.050	-	7.800	6.800	1.000	1.000				1.000	-	6.800	6.800	-	Điều chỉnh giảm phần vốn NST do hụt thu
4	Dự án Sắp xếp, ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn tại xã Đăk Liêng, huyện Lắk	Xã Đăk Liêng, huyện Lắk	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025		53.736	50.536	3.200	-	8.500	7.500	1.000	1.000				1.000	-	7.500	7.500	-	Điều chỉnh giảm phần vốn NST do hụt thu
<b>B</b>	<b>TIỂU DỰ ÁN 1 THUỘC DỰ ÁN 5:</b>					<b>118.920</b>	<b>88.920</b>	<b>30.000</b>	<b>-</b>	<b>39.468</b>	<b>29.020</b>	<b>10.448</b>	<b>18.596</b>	<b>8.148</b>	<b>10.448</b>	<b>4.148</b>	<b>4.148</b>	<b>-</b>	<b>25.020</b>	<b>25.020</b>	<b>-</b>	
<b>I</b>	<b>Thành phố Buôn Ma Thuột</b>					<b>35.190</b>	<b>25.190</b>	<b>10.000</b>	<b>-</b>	<b>12.120</b>	<b>8.472</b>	<b>3.648</b>	<b>5.648</b>	<b>2.000</b>	<b>3.648</b>	<b>1.248</b>	<b>1.248</b>	<b>-</b>	<b>7.720</b>	<b>7.720</b>	<b>-</b>	
1	Trường THPT DTNT Nơ Trang Long; hạng mục: Cải tạo, nâng cấp, bổ sung phòng học, phòng bộ môn, phòng ở nội trú học sinh, nhà vệ sinh và hạ tầng kỹ thuật.	Phường Khánh Xuân, TP BMT	Sở Giáo dục và Đào tạo	2023-2025	2237/QĐ-UBND ngày 2/11/2023	23.190	16.590	6.600		8.000	5.600	2.400	4.400	2.000	2.400				3.600	3.600	-	Điều chỉnh giảm KH vốn theo đề xuất của CĐT
2	Trường PTDTNT - THCS TP Buôn Ma Thuột; hạng mục: Cải tạo, nâng cấp, bổ sung phòng học, phòng bộ môn, phòng ở nội trú học sinh, phòng quản lý học sinh nội trú, nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa dân tộc và hạ tầng kỹ thuật.	Phường Thành Nhất, TP BMT	Sở Giáo dục và Đào tạo	2023-2025		12.000	8.600	3.400		4.120	2.872	1.248	1.248		1.248	1.248	1.248		4.120	4.120	-	Thay đổi nguồn do hụt NST nhưng CĐT không đề nghị điều chỉnh giảm KH vốn
<b>II</b>	<b>Huyện Ea Súp</b>					<b>18.580</b>	<b>13.580</b>	<b>5.000</b>	<b>-</b>	<b>6.200</b>	<b>4.200</b>	<b>2.000</b>	<b>3.200</b>	<b>1.200</b>	<b>2.000</b>	<b>800</b>	<b>800</b>	<b>-</b>	<b>3.800</b>	<b>3.800</b>	<b>-</b>	

1	Trường PTDTNT THCS huyện Ea Súp; hạng mục: Cải tạo, nâng cấp, bổ sung phòng học, phòng bộ môn, phòng ở nội trú học sinh, phòng quản lý học sinh nội trú, phòng sinh hoạt giáo dục văn hóa dân tộc và hạ tầng kỹ thuật.	Thị trấn Ea Súp, huyện Ea Súp	Sở Giáo dục và Đào tạo	2023-2025		12.000	8.700	3.300		4.000	2.800	1.200	2.400	1.200	1.200				1.600	1.600	-	Điều chỉnh giảm KH vốn theo đề xuất của CĐT
2	Trường Tiểu học Cư M'lan; hạng mục: Cải tạo, nâng cấp, bổ sung phòng bộ môn, nhà bếp, nhà công vụ giáo viên, nhà vệ sinh và hạ tầng kỹ thuật	Xã Cư M'lan, huyện Ea Súp	Sở Giáo dục và Đào tạo	2023-2025		6.580	4.880	1.700		2.200	1.400	800	800		800	800	800		2.200	2.200	-	Thay đổi nguồn do hụt NST nhưng CĐT không đề nghị điều chỉnh giảm KH vốn
<b>III</b>	<b>Huyện Ea Kar</b>					<b>12.440</b>	<b>9.940</b>	<b>2.500</b>	<b>-</b>	<b>4.100</b>	<b>3.600</b>	<b>500</b>	<b>2.000</b>	<b>1.500</b>	<b>500</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.100</b>	<b>2.100</b>	<b>-</b>	
1	Trường PTDTNT - THCS huyện Ea Kar; hạng mục: Cải tạo, nâng cấp, bổ sung phòng học, phòng bộ môn, nhà nội trú học sinh, nhà bếp, nhà ăn, nhà đa chức năng và hạ tầng kỹ thuật.	Xã Ea Dar, huyện Ea Kar	Sở Giáo dục và Đào tạo	2023-2025		12.440	9.940	2.500		4.100	3.600	500	2.000	1.500	500				2.100	2.100	-	Điều chỉnh giảm KH vốn theo đề xuất của CĐT
<b>IV</b>	<b>Huyện M'Đrăk</b>					<b>31.990</b>	<b>21.990</b>	<b>10.000</b>	<b>-</b>	<b>10.248</b>	<b>6.948</b>	<b>3.300</b>	<b>4.400</b>	<b>1.100</b>	<b>3.300</b>	<b>2.100</b>	<b>2.100</b>	<b>-</b>	<b>7.948</b>	<b>7.948</b>	<b>-</b>	

1	Trường PTDTBT THCS Phan Bội Châu; hạng mục: Cải tạo, nâng cấp, bổ sung phòng học bộ môn, phòng ở bán trú học sinh, phòng quản lý học sinh bán trú; nhà vệ sinh và hạ tầng kỹ thuật.	Xã Ea Trang, huyện M'Drắk	Sở Giáo dục và Đào tạo	2023-2025		9.000	6.200	2.800		2.900	1.700	1.200	1.200		1.200	1.200	1.200	2.900	2.900	-	Thay đổi nguồn do hụt NST nhưng CĐT không đề nghị điều chỉnh giảm KH vốn	
2	Trường PTDTNT - THCS huyện M'Drắk; hạng mục: Cải tạo, nâng cấp, bổ sung phòng học, phòng bộ môn, nhà ở nội trú học sinh, phòng quản lý học sinh nội trú; phòng sinh hoạt giáo dục văn hóa dân tộc; nhà vệ sinh và hạ tầng kỹ thuật.	Xã Cư M'ta, huyện M'Drắk	Sở Giáo dục và Đào tạo	2023-2025		11.990	8.190	3.800		3.900	2.700	1.200	2.300	1.100	1.200			1.600	1.600	-	Điều chỉnh giảm KH vốn theo đề xuất của CĐT	
3	Trường PTDTBT - THCS Võ Nguyên Giáp; hạng mục: Nhà ở bán trú học sinh, nhà bếp, nhà ăn, kho và hạ tầng kỹ thuật.	Xã Cư Króa, huyện M'Drắk	Sở Giáo dục và Đào tạo	2023-2025	2115/QĐ-UBND ngày 19/10/2023	11.000	7.600	3.400		3.448	2.548	900	900		900	900	900	3.448	3.448	-	Thay đổi nguồn do hụt NST nhưng CĐT không đề nghị điều chỉnh giảm KH vốn	
<b>V</b>	<b>Huyện Krông Pắc</b>					<b>12.900</b>	<b>10.400</b>	<b>2.500</b>	<b>-</b>	<b>4.200</b>	<b>3.200</b>	<b>1.000</b>	<b>2.200</b>	<b>1.200</b>	<b>1.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.000</b>	<b>2.000</b>	<b>-</b>	
1	Trường PTDTNT - THCS huyện Krông Pắc; hạng mục: Cải tạo, nâng cấp, bổ sung nhà lớp học, hiệu bộ; phòng học bộ môn, phòng sinh hoạt giáo dục văn hóa dân tộc; nhà ở nội trú học sinh,	Thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc	Sở Giáo dục và Đào tạo	2023-2025		12.900	10.400	2.500		4.200	3.200	1.000	2.200	1.200	1.000			2.000	2.000	-	Điều chỉnh giảm KH vốn theo đề xuất của CĐT	

	nhà ăn, nhà bếp; nhà công vụ giáo viên; nhà vệ sinh và hạ tầng kỹ thuật.																					
<b>VI</b>	<b>Huyện Lắk</b>					<b>7.820</b>	<b>7.820</b>	-	-	<b>2.600</b>	<b>2.600</b>	-	<b>1.148</b>	<b>1.148</b>	-	-	-	-	<b>1.452</b>	<b>1.452</b>	-	
1	Trường PTDTNT THCS huyện Lắk; hạng mục: Cải tạo, nâng cấp, bổ sung nhà ở nội trú học sinh, nhà bếp, nhà ăn; nhà lớp học, phòng học bộ môn, phòng sinh hoạt giáo dục văn hóa dân tộc; nhà vệ sinh và hạ tầng kỹ thuật.	Thị trấn Liên Sơn, huyện Lắk	Sở Giáo dục và Đào tạo	2023-2025		7.820	7.820	-		2.600	2.600		1.148	1.148					1.452	1.452	-	Điều chỉnh giảm KH vốn theo đề xuất của CĐT
<b>C</b>	<b>TIỂU DỰ ÁN 1 THUỘC DỰ ÁN 4:</b>									<b>8.750</b>	<b>8.750</b>	-	-	-	-	<b>4.000</b>	<b>4.000</b>	-	<b>12.750</b>	<b>12.750</b>	-	<b>Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện</b>
<b>I</b>	<b>Huyện Krông Năng</b>					<b>14.990</b>	<b>14.740</b>	-	<b>250</b>	<b>5.250</b>	<b>5.250</b>	-		-	-	<b>3.000</b>	<b>3.000</b>	-	<b>8.250</b>	<b>8.250</b>	-	
1	Đường giao thông liên xã Ea Hồ đi xã Ea Drông, thị xã Buôn Hồ	Xã Ea Hồ	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	3212/QĐ-UBND ngày 11/07/2023	14.990	14.740	-	250	5.250	5.250					3.000	3.000		8.250	8.250	-	Bổ sung vốn đẩy nhanh tiến độ thực hiện
<b>II</b>	<b>Huyện Ea Kar</b>					<b>10.000</b>	<b>9.000</b>	-	<b>1.000</b>	<b>3.500</b>	<b>3.500</b>	-		-	-	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	-	<b>4.500</b>	<b>4.500</b>	-	
1	Đường giao thông liên xã Cư Prông đi xã Ea Tít (từ thôn Hạ Long, xã Cư Prông đi thôn Tiến Đông, xã Ea Tít)	Xã Cư Prông và xã Ea Tít	Ban QLDA ĐTXD huyện Ea Kar	2023-2025	332/QĐ-UBND-26/6/2023	10.000	9.000	-	1.000	3.500	3.500					1.000	1.000		4.500	4.500	-	Bổ sung vốn đẩy nhanh tiến độ thực hiện



---

---

**VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐẮK LẮK XUẤT BẢN**

Địa chỉ : Số 09 Lê Duẩn - TP. Buôn Ma Thuột - tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại : 080.50557 - 080.50584

Fax : 080.50554

E-mail: [congbao@daklak.gov.vn](mailto:congbao@daklak.gov.vn)

Website: <http://congbao.daklak.gov.vn>

In tại:

Giá: ..... đồng